

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày 13/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Quang Tụng

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: SN B, tổ B, khu P, phường G, thành phố V, tỉnh P.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Hải Q**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1980;

Đều có địa chỉ: khu T, thị trấn P, huyện P, tỉnh P.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Q, bà H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:

Ngày 25/5/2023 ông có cho vợ chồng ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 20%/năm của khoản tiền trên trong thời hạn 01 năm để sử dụng vào việc gia đình của ông Q, bà H. Hai vợ chồng ông Q, bà H đã nhận đủ số tiền trên và có viết 01 giấy cam kết trả nợ ngày 25/5/2023 và cam kết với ông đúng ngày 25/5/2024 sẽ hoàn trả cho ông số tiền gốc và tiền lãi theo như thỏa thuận. Nhưng khi đến hạn ông Q, bà H đã không trả tiền cho ông như đã cam kết. Ông đã chủ động liên hệ rất nhiều lần với ông Q, bà H nhưng ông Q, bà H khất lần, chây ì không trả tiền cho ông.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); tiền lãi 20%/1

năm của số tiền gốc từ ngày 25/5/2023 đến 25/5/2024 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); tiền lãi của lãi chậm trả 10%/1 năm của số tiền lãi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) kể từ ngày 26/5/2024 đến ngày 28/3/2025 là 1.826.000đ (Một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn 30%/1 năm kể từ ngày 26/5/2024 đến ngày 28/3/2025 là 27.333.000đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2025 là 149.159.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng)

** Bị đơn là ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H đã được Tòa án tổng đạt văn bản hợp lệ nhiều lần nhưng ông Q, bà H đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu của mình đã trình bày. Bị đơn vắng mặt không có quan điểm trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 160; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T đối với ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H.

Buộc ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 13/5/2025 là 150.913.452 đồng (Một trăm năm mươi triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), trong đó: tiền gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi là 50.913.452 đồng (Năm mươi triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng:

Ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Trung T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Buộc ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, ông Q và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí:

Ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải chịu 7.545.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001357 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn ông Hoàng Hải Q, bà Nguyễn Việt H để yêu cầu ông Q, bà H phải trả tổng số tiền vay tính đến ngày 26/8/2024 là 128.000.000 đồng trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi theo thỏa thuận khi vay 20%/1 năm kể từ ngày 25/5/2023 đến 25/5/2024 là 20.000.000 đồng; tiền lãi 10% của số tiền lãi 20.000.000 đồng tính từ ngày 26/5/2024 đến ngày 26/8/2024 là 500.000 đồng; tiền lãi 30%/1 năm trên tổng số nợ gốc quá hạn 100.000.000 đồng tính từ ngày 26/5/2024 đến ngày 26/8/2024 là 7.500.000 đồng. Đây là giao dịch vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú tại khu T, thị trấn P, huyện P, tỉnh P nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Hải Q, bà Nguyễn Việt H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ 2. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt đối với ông Q, bà H.

- Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Nguyễn Trung T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung T đã xuất trình 01 bản chính Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 25/5/2023 của ông Hoàng Hải Q, bà Nguyễn Việt H dưới mục “Người viết giấy” và mục “Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)” trong Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 25/5/2023 có chữ ký và chữ viết Nguyễn Việt H; chữ ký và chữ viết Hoàng Quang H1 được ký hiệu là A.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Hoàng Hải Q, bà Nguyễn Việt H không đến Tòa án để tự khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ có mẫu chữ viết, chữ ký của bị đơn ông Q, bà H đang được lưu giữ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh P, bao gồm: 01 Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của chị Nguyễn Việt H ghi ngày 29/5/2021 (bản chính) có chữ ký, chữ viết Nguyễn Việt H được kí hiệu là M1; 01 Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của anh Hoàng Hải Q ghi ngày 18/9/2022 (bản chính) có chữ ký, chữ viết Hoàng Hải Q được kí hiệu là M2 để trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Theo Kết luận giám định số 315/KL- KTHS ngày 28/3/2025 của Phòng K - Công an tỉnh P, kết luận:

- Chữ ký và chữ viết Nguyễn Việt H dưới mục “Người viết giấy” và dưới mục “Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)” trên “Giấy cam kết trả nợ” (Mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Việt H dưới mục “Người khai ký, ghi rõ họ tên” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký và chữ viết Hoàng Hải Q dưới mục “Người viết giấy” và dưới mục “Chúng tôi đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)” trong “Giấy cam kết trả nợ” (Mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết họ tên Hoàng Hải Q dưới mục “Người khai ký, ghi rõ họ tên” trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) là do cùng một người viết ra.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ngày 25/5/2023 ông Hoàng Hải Q, bà Nguyễn Việt H đã ký vào Giấy cam kết trả nợ ghi 25/5/2023 vay của ông Nguyễn Trung T số tiền gốc 100.000.000 đồng là có thực.

Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Do vậy, cần xác định Giấy cam kết trả nợ ghi 25/5/2023 đây là hợp đồng vay tài sản có sự tự nguyện, thỏa thuận của các bên, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Đến thời hạn thỏa thuận trong giấy cam kết ông Q, bà H không trả được tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Q, bà H phải trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền gốc: Ông T yêu cầu ông Q, bà H trả tiền gốc là 100.000.000đồng. Trong Giấy cam kết trả nợ ghi 25/5/2023 có chữ viết, chữ ký của ông Q, bà H thể hiện ông Q, bà H vay của ông T là 100.000.000đồng tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông Q, bà H chưa trả được khoản tiền gốc nào cho ông T. Xét yêu cầu của ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận buộc ông Q, bà H phải trả cho ông T số tiền gốc là 100.000.000đồng.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Trong Giấy cam kết trả nợ ghi 25/5/2023 có thỏa thuận lãi suất là 20%/năm.

Hội đồng xét xử nhận định: Đây là các khoản vay có thời hạn và các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên việc ông T yêu cầu ông Q, bà H phải trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi ông Q, bà H trả nợ xong là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 668 của Bộ luật Dân sự cần được chấp nhận. Tính đến thời điểm xét xử ngày 13/5/2025, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Lãi trong hạn: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm}$ từ ngày 25/5/2023 đến 25/5/2024 = 20.000.000 đồng;

Lãi của lãi quá hạn: $20.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 11 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}$ từ ngày 26/5/2024 đến 13/5/2025 = 1.934.000 đồng;

Lãi quá hạn của nợ gốc: $100.000.000 \text{ đồng} \times 150\% \times 20\%/\text{năm} \times 11 \text{ tháng } 18 \text{ ngày}$ từ ngày 26/5/2024 đến 13/5/2025 = 28.979.452 đồng.

Tổng tiền lãi là 50.913.452 đồng.

Như vậy, tính đến ngày xét xử 13/5/2025, ông Q, bà H còn nợ ông T tổng số tiền là 150.913.452 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 50.913.452 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí giám định chữ viết, chữ ký hết 4.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Xác nhận nguyên đơn đã đóng đủ số tiền trên nên cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 160; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung T đối với ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H.

Buộc ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung T tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 13/5/2025 là 150.913.452 đồng (Một trăm năm mươi triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), trong đó: tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), tiền lãi là 50.913.452 đồng (Năm mươi triệu chín trăm mười ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ông Nguyễn Trung T đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Buộc ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trung T số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Hoàng Hải Q và bà Nguyễn Việt H phải chịu 7.545.600 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001357 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh P;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Việt Hưng